

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 31/8/2020

“V/v Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

2/ Ông Dương Khắc Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ - cán bộ Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lu Ngọc Quý - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2019/TLST-DS ngày 25/6/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐST-DS, ngày 27/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐDS-ST ngày 13/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

Địa chỉ trụ sở: 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (S) – Chi nhánh Bình Thuận

Trụ sở: 364 Trần Hưng Đạo, phường Đức Thắng, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đắc H – Chức vụ: Giám đốc

Ủy quyền cho ông: Phạm Thái B – Trưởng Phòng giao dịch Phan Rí Cửa

(Theo giấy quyền quyền số: 17/2020/GUQ-CNBT, ngày 02/01/2020)

Ủy quyền cho ông: Nguyễn H1 – Phó giám đốc phụ trách kinh doanh.

(Theo giấy quyền quyền số: 06/2020/GUQ-CNBT, ngày 02/01/2020)

Bị đơn: Ông Lâm Đình Tu, sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn A, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (S) – Chi nhánh Bình Thuận (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 09/7/2013 ông Lâm Đình Tu, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn A, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Thuận, đơn vị công tác ở Trường tiểu học Phong Phú 5 có đến Ngân hàng vay theo hợp đồng tín dụng số LD1318300228, số tiền vay là 70.000.000 đồng (Bảy

mười triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, với lãi suất là 1,1%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất. Thời hạn vay là 48 tháng (từ ngày 09/7/2013 đến ngày 09/7/2017) trả lãi, trả gốc là ngày 30 hàng tháng cho đến khi trả hết nợ, có phụ lục lịch trả nợ kèm theo. Vay bằng hình thức tín chấp không có tài sản thế chấp.

Sau khi vay ông Tu chỉ trả nợ với số tiền là 2.916.000 đồng thì nghỉ việc và không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng có thông báo đến Ban giám hiệu Trường tiểu học P2 (ông Tu chuyển công tác về Trường P3) thì có thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 16.372.000 đồng lấy từ tiền trợ cấp thôi việc của ông Tu theo biên bản làm việc 24/02/2014, tổng cộng ông Lâm Đình Tu đã trả cho Ngân hàng số tiền là gốc 17.496.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Số nợ gốc còn nợ 52.504.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Sau đó Ngân hàng có mời ông Tu làm việc nhiều lần về khoản vay trên nhưng ông Tu không đến và cũng không có mặt tại địa phương.

Qua nhiều năm bộ phận xử lý nợ xấu của Ngân hàng có theo dõi đôn đốc nhưng không có thông tin của khách hàng nên chưa làm đơn khởi kiện ông Tu.

Khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 29/10/2013 đến ngày 21/4/2019 khoản vay đã bị quá hạn 2.000 ngày. Tổng số tiền còn phải trả tính đến ngày 21/4/2019 là 145.699.083 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn tám mươi ba đồng) trong đó: nợ gốc: 52.504.000 đồng, lãi: 93.195.083 đồng nên ngân hàng có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thụ lý vụ án thì Tòa án có yêu cầu Ngân hàng cung cấp địa chỉ của ông Lâm Đình Tu vì theo biên bản xác minh tại Công an xã P1 thì ông Tu không có hộ khẩu ở P1, ông Tu đã cắt khẩu về huyện Đ, tỉnh Y nhưng Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ mới của ông Tu cho Tòa.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LD1318300228 ngày 09/7/2013 và nơi thực hiện hợp đồng tại thời điểm người vay ký kết (ký tại Phòng giao dịch P) khởi kiện yêu cầu ông Lâm Đình Tu phải trả cho Ngân hàng số tiền 145.699.083 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn tám mươi ba đồng).

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bổ sung thêm phần lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/8/2020, yêu cầu ông Lâm Đình Tu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận số tiền **169.338.435** đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm ba lăm đồng) trong đó: tiền gốc là 52.504.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 116.834.435 đồng.

Bị đơn ông Lâm Đình Tu:

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án tại nơi cư trú của ông Lâm Đình Tu, tại Tòa án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT do bà Nguyễn Đức Thạch D làm đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho ông Nguyễn Đắc H làm đại diện theo ủy quyền, ủy quyền cho ông Phạm Thái B và ông Nguyễn H1 từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Đối với bị đơn: ông Lâm Đình Tu không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Ông Lâm Đình Tu vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 13/8/2020 và tại phiên tòa hôm nay ông Tu tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Đình Tu là cần thiết và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đối với ông Lâm Đình Tu về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc ông Lâm Đình Tu phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận số tiền tính đến ngày 31/8/2020 là 169.338.435 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm ba lăm đồng) trong đó: tiền gốc là 52.504.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 116.834.435 đồng.

Kể từ ngày 01/9/2020 ông Lâm Đình Tu có trách nhiệm trả lãi theo số nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo mức lãi suất tương ứng trong hợp đồng tín dụng.

Ông Lâm Đình Tu phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận và bị đơn ông Lâm Đình T là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nơi thực hiện hợp đồng tại Phòng giao dịch S P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã cung cấp địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ ghi nhận tại hợp đồng; Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn do Ngân hàng cung cấp, theo biên bản xác minh ngày 28/6/2019 tại Công an xã P, huyện T thì ông Lâm Đình Tu không có hộ khẩu ở P, ông Tu đã cắt khẩu về huyện Đ, tỉnh Y. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành ủy thác về Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Y nơi ông Tuy chuyển khẩu về nhưng Tòa án huyện Đ không thực hiện được việc ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong vì hiện nay ông Lâm Đình Tu không có mặt tại địa phương.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật bằng hình thức niêm yết nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự trước yêu cầu của nguyên

đơn. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật; Đồng thời căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận yêu cầu ông Lâm Đình Tu phải thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 31/8/2020.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

- Bản sao hợp đồng tín dụng số LD1318300228 ngày 09/7/2013;
- Bản sao giấy cam kết trả nợ ngày 09/7/2013 của ông Lâm Đình Tu;
- Bản sao giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 05/7/2013;
- Bản sao Sổ hộ khẩu và CMND ông Lâm Đình Tu;
- Bản sao phiếu chuyển khoản ngày 09/7/2013;
- Bản sao giấy lĩnh tiền ngày 09/7/2013;
- Bản sao thông báo thanh toán nợ vay ngày 08/11/2013 của Ngân hàng;
- Bản sao biên bản làm việc ngày 24/02/2014;
- Bản photto thông báo về việc chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ ngày 11/3/2019 của Ngân hàng;
- Bản sao phiếu chuyển ngày 16/3/2019;
- Bảng kê chi tiết ngày 22/4/2019;
- Bảng kê lãi chi tiết ngày 31/8/2020.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng số LD1318300228 ngày 09/7/2013 được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền để ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi ký kết hợp đồng ngày 09/7/2013 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lâm Đình Tu vay số tiền **70.000.000 đồng** (Bảy mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lâm Đình Tu chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 2.916.000 đồng thì nghỉ việc và không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Theo biên bản làm việc ngày 24/02/2014 giữa ông Tu với các Ngân hàng thì ông Tu có thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 16.372.000 đồng lấy từ tiền trợ cấp thôi việc của ông Tuy, tổng cộng ông Lâm Đình Tu đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 17.496.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng) nhưng sau đó ông Tu không tiếp tục thực hiện trả nợ theo đúng cam kết, ông Tu đã vi phạm nội dung 9 phương thức trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số LD1318300228 ngày 09/7/2013. Nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay này theo quy định. Sau đó Ngân hàng có mời ông Tu làm việc nhiều lần về khoản vay trên nhưng ông Tu không đến và cũng không có mặt tại địa phương.

Qua nhiều năm bộ phận xử lý nợ xấu của Ngân hàng có theo dõi đôn đốc nhưng không có thông tin của khách hàng nên làm đơn khởi kiện ông Tu. Tính đến ngày xét xử ông Tu còn nợ Ngân hàng số tiền là **169.338.435 đồng** (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng) trong đó: tiền gốc là 52.504.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 116.834.435 đồng, lãi phát sinh đến ngày 31/8/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bổ sung tiền lãi phát sinh thêm đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ thanh toán nợ: buộc ông Lâm Đình Tu trả cho Ngân hàng số tiền là 169.338.435 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm ba

lăm đồng) trong đó: tiền gốc là 52.504.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 116.834.435 đồng, lãi phát sinh đến ngày 31/8/2020.

Như vậy có căn cứ xác định ông Lâm Đình Tu có vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số LD1318300228 ngày 09/7/2013, sau khi vay ông Tu có thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền là 17.496.000 đồng nhưng khi đến thời hạn trả nợ tiếp theo phụ lục của hợp đồng thì ông Tu không thực hiện việc thanh toán nợ và để nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định của hợp đồng tín dụng. Do đó khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận yêu cầu ông Lâm Đình Tu phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng của là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về phần án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1, 2,4 điều 91, khoản 3 điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận

2. Buộc ông Lâm Đình Tu phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày (31/8/2020) tổng cộng số tiền là **169.338.435** đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm ba lăm đồng) trong đó: tiền gốc là 52.504.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 116.834.435 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/9/2020 ông Lâm Đình Tu còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1318300228 ngày 09/7/2013 và quy định của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: ông Lâm Đình Tu phải nộp án phí dân sự sơ thẩm **8.466.921 đồng**. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh Bình Thuận số tiền **3.600.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0026269 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh